

## LAO ĐỘNG TỰ DO CỦA NGƯỜI VIỆT NAM Ở LÀO: MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC DÒNG VỐN ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

PHẠM THỊ MÙI

### **Ở đầu**

Sau Tết Nguyên đán hàng năm, số lượng người Việt Nam tăng đột biến tại các cửa khẩu Việt Nam - Lào. Theo ông N. N. N. - Trưởng đồn cửa khẩu quốc tế Cầu Treo ở Hà Tĩnh, mỗi ngày có hơn 2.000 người và hơn 300 chuyến xe ở Hà Tĩnh và các tỉnh lân cận qua cửa khẩu đến Lào, do đó nhân viên đồn đã kéo dài thời gian làm việc 23 giờ (từ 7 đến 17 giờ) mỗi ngày để mọi người đi lại thuận lợi, song chỉ số ít là khách du lịch, còn lại đều đi làm thuê ở Thái Lan hoặc Lào. Sự gia tăng lượng người đi lại vào các kỳ nghỉ tại các cửa khẩu đang phản ánh việc phát triển các mối quan hệ chính trị - thương mại quốc tế và ngày càng có nhiều người Việt Nam sinh sống, làm việc tại Lào cũng như các quốc gia lân cận. Trong bối cảnh quan hệ hợp tác quốc tế, sự tích tụ của các nền kinh tế đã thúc đẩy các dòng di cư lao động. Trong đó, lao động tự do người Việt Nam ở Lào được hiểu là những người Việt Nam, chủ yếu là người Việt, tức người Kinh sang Lào bằng hộ chiếu phổ thông. Theo đúng quy định của Luật pháp nước CHDCND Lào, họ chỉ được ở lại Lào trong khoảng 30 ngày. Nếu được quản lý tốt, lực lượng lao động tự do này có thể có những đóng góp đối với nền kinh tế của hai quốc gia Lào và Việt Nam. Tuy nhiên, lao động tự do cũng đặt ra nhiều vấn đề đòi hỏi sự quan tâm từ

Chính phủ hai nước. Từ câu chuyện của những người Việt Nam di cư<sup>1</sup>, bài viết này sẽ tập trung làm rõ về sự dịch chuyển của nguồn nhân lực trong mối quan hệ với các dòng vốn đầu tư.

Bài viết dựa trên cơ sở các tư liệu thu thập được bằng sự kết hợp sử dụng phương pháp định tính và định lượng trong nhiều đợt điền dã vào các năm 2013 - 2014 tại hai địa điểm ở Lào là Vientiane và Luang Prabang, với mẫu phỏng vấn sâu người Việt lao động di cư tự do là 22 và tổng số phiếu điều tra là 96.

### **1. Một số đặc điểm về lao động tự do người Việt Nam ở Lào**

#### **1.1. Phân loại và số lượng**

Dựa vào tiêu chí nghề nghiệp, có thể chia lao động tự do người Việt Nam ở Lào thành 4 nhóm<sup>2</sup>: (i) Nhóm lao động tự do người Việt Nam làm việc trong các công ty, dự án chính thức (của Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan...) ở Lào<sup>3</sup>; (ii) Nhóm lao động kinh doanh bằng vốn tự có, bao gồm các chủ thầu nhỏ, các công ty tư nhân, hệ

<sup>1</sup> Người Việt Nam có thể bao gồm nhiều tộc người (Mường, Thái, Kinh, Tày...) nhưng nghiên cứu này chỉ tập trung khảo sát người Kinh (Việt) di cư sang Lào.

<sup>2</sup> Có nhiều cách phân loại người lao động tùy theo mục đích nghiên cứu, ở đây dựa vào tiêu chí nghề nghiệp.

<sup>3</sup> Nhóm lao động này có thể có lúc được ký hợp đồng chính thức, có lúc họ ở lại Lào như người lao động tự do.

thống kinh doanh dịch vụ (nhà hàng, bệnh viện, trường học, văn hóa giải trí)...; (iii) Nhóm lao động tham gia làm các dịch vụ 3D<sup>4</sup>, gồm những người lao động phổ thông, người bán hàng rong, phụ nữ làm nghề mại dâm...; và (iv) Nhóm lao động di cư thời vụ, di cư con lác gồm những người buôn bán, đi lại qua biên giới theo ngày hoặc theo tuần. Tuy có nhiều nhóm lao động nhưng nội dung bài viết chỉ tập trung phân tích hai nhóm có số lượng đông nhất: lao động tự do làm việc trong các dự án của Việt Nam ở Lào và lao động tự do tham gia vào các ngành nghề dịch vụ 3D.

Về số lượng, năm 2006, lao động tự do người Việt Nam tại Lào được báo cáo ước tính vào khoảng 10.000 - 20.000 người (Vũ Thị Vân Anh, 2008, tr. 86). Song, không có bất cứ tài liệu thống kê nào đưa ra một con số chính xác về số lượng công nhân nhập cư tự do người Việt Nam đang sinh sống ở Lào. Họ đến Lào thông qua con đường du lịch, thăm người thân, hay lao động hết thời hạn hợp đồng tại các dự án của Chính phủ Việt Nam và ở lại tìm kiếm việc làm khác nhau. Trong thực tế vào năm 2013, số lượng lao động người Việt Nam ở Lào đã tăng rất nhiều so với con số được dự đoán. Mỗi tỉnh có đường biên giáp với Lào như Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên - Huế, Quảng Bình, Quảng Trị... đã có hàng nghìn người Việt Nam di cư tự do. Mỗi năm tỉnh Nghệ An có từ 5.000 đến 6.000 lao động tự do đi làm việc tại Lào. Chỉ riêng xã Diên Tháp huyện Diên Châu, theo báo cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An, đến tháng 4/2014, đã có tới 1.380 lao động ở Lào trong khi tổng dân số của xã chỉ khoảng

5.000 người. Tại tỉnh Thừa Thiên - Huế, theo báo cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, đến đầu năm 2014, cả tỉnh có khoảng 6.000 lao động đang làm việc tại Lào; riêng xã Bồn Lộc, huyện Phú Lộc có tới 3.700 người, chiếm 2/3 lao động địa phương...

Các khu vực Trung và Nam Lào thu hút tới 163 dự án của Việt Nam, chiếm 78% tổng số dự án của Việt Nam đầu tư sang Lào (Ban Quan hệ quốc tế - VCCI, 2013). Do đó, số lượng người lao động tự do làm việc trong các dự án, công trình tại hai khu vực này nhiều hơn khu vực Bắc Lào. Khu vực Trung Lào có số lượng lao động tự do người Việt Nam lớn nhất, tập trung chủ yếu tại thủ đô Vientiane. Một yếu tố tác động đến việc người Việt Nam ở khu vực Bắc Lào là do người Trung Quốc nhiều và họ chi phối việc buôn bán, làm ăn của khu vực Bắc Lào. Tuy nhiên, gần đây do cố đô Luang Prabang được công nhận là Di sản văn hóa Thế giới vào năm 1995 nên lượng người Việt Nam đổ về tỉnh này ngày một đông, chủ yếu tham gia vào các dịch vụ phục vụ du lịch. Song, do số lượng lao động tự do này dịch chuyển liên tục, dao động tăng giảm theo từng thời điểm cùng với việc họ không báo cáo với chính quyền địa phương nên cán bộ quản lý hộ tịch người địa phương cũng không thể đưa ra một con số chính xác. Theo ước đoán của chúng tôi, lao động tự do người Việt Nam hiện nay tại khu vực Trung Lào tập trung nhiều nhất với khoảng 45%, khu vực Nam Lào chiếm 30% và Bắc Lào chiếm trên dưới 25%.

### ***1.2. Độ tuổi, sức khỏe, hoàn cảnh gia đình và trình độ học vấn của người di cư***

Như ở các nước phát triển, di cư lao động diễn ra thường xuyên với lớp trẻ khi họ

<sup>4</sup> 3D là viết tắt của 3 từ tiếng Anh, gồm nguy hiểm (dangerous), bẩn thỉu (dirty) và khó khăn (difficult).

đang ở lứa tuổi lao động hiệu quả nhất, bởi trên 80% số người di cư trong độ tuổi từ 18 đến 30. Đây là độ tuổi hoạt động tích cực nhất về kinh tế. Nếu xét cả những độ tuổi lớn hơn, có khoảng 90% số người di cư trong độ tuổi từ 18 đến 50. Tuổi của họ khi di cư lần đầu thậm chí còn trẻ hơn.

Qua kết quả nghiên cứu, khoảng 98% số người di cư được phỏng vấn tự đánh giá có tình trạng sức khỏe “tốt” hoặc “rất tốt”. Sức khỏe là một chiều cạnh đặc thù khác của tính chọn lọc di cư. Thông thường, những thành viên gia đình với sức khỏe tốt hơn sẽ có nhiều khả năng di cư hơn. Ngoài ra, di cư là một trong những chiến lược sinh kế của gia đình, nhằm giảm thiểu rủi ro thì những thành viên có sức khỏe tốt hơn sẽ được ưu tiên đi kiếm việc làm ở nước ngoài.

Do đó, hầu hết số người di cư đang ở trong độ tuổi hôn nhân. Qua điều tra cho thấy, khoảng hơn 70% những người di cư lao động đã có gia đình tại thời điểm xuất cư lần đầu; số con trung bình trong lần di cư đầu tiên là hơn 1, số con trong thời điểm hiện tại là hơn 2. Ngoài ra, có một số thay đổi trong tình trạng hôn nhân so với lần đầu di cư như có gia đình trong giai đoạn di cư, ly thân hay ly hôn trong giai đoạn này. Việc gia đình tan vỡ có thể là hệ quả của việc di cư, bởi gia đình không có thời gian đoàn tụ.

Trình độ học vấn của người di cư trong nghiên cứu này được đo bằng mức độ học vấn cao nhất đạt được. Theo đó, hơn 65% số người được hỏi đã tốt nghiệp phổ thông trung học, khoảng 6% số người trả lời đã tốt nghiệp ở những bậc học cao hơn. Có thể nói, người di cư đều có trình độ học vấn tương đối khá so với chỉ số trung bình của cả

nước<sup>5</sup>. Điều này có thể được coi là bằng chứng về vốn con người đang trở nên cơ động hơn hoặc do tính “chọn lọc” trong di cư, đặc biệt là trong di cư lao động quốc tế.

### 1.3. Đặc điểm nghề nghiệp

Trong truyền thống, những người nông dân Việt Nam thường sinh sống theo cộng đồng với tập quán canh tác lúa nước lâu đời. Chính sách của Nhà nước Lào cũng tác động lớn đến quá trình lựa chọn sinh kế của người lao động nhập cư nói chung và lao động tự do người Việt Nam nói riêng. Theo đó, người nước ngoài không được làm công chức trong các bộ máy công quyền và chính quyền, không được sở hữu đất đai bất động sản và không được cấp thẻ môn bài để sản xuất kinh doanh tại Lào (Khămpheng Thipmuntaly, 2008, tr. 136). Do không có đất, người lao động tự do Việt Nam thường làm ruộng thuê cho người Lào hay chuyển nghề, trở thành công nhân trong các công trường, dự án, nhà máy, thậm chí trở thành những người bán hàng, tham gia vào các lĩnh vực dịch vụ giải trí... Để có thể mở quán kinh doanh, lao động tự do người Việt Nam thường được người Lào đứng hộ tên môn bài.

Những người Việt Nam di cư tự do sang Lào thường dùng hộ chiếu phổ thông và theo luật, họ chỉ được ở Lào trong vòng một tháng. Để “lách luật”, hàng tháng những

<sup>5</sup> Theo ILO (Tổ chức lao động thế giới) (2014), số năm đến trường bình quân của lực lượng lao động ở Việt Nam năm 2010 là 7,6 năm học, và dự báo đến năm 2020 con số này chỉ tăng lên mức 7,8 năm học [Trích theo Vũ Thị Minh Tiếp (2015), “Nguồn nhân lực cho các nước ASEAN và những tham chiếu cho Việt Nam trước thêm hội nhập AEC”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, Số 212, tháng 02/2015].

người này phải qua cửa khẩu Lào để làm thủ tục nhập cảnh trở lại. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, trong số những người Việt Nam nhập cư tự do vào Lào, chỉ có khoảng 30% tìm được công việc ổn định, trở thành công nhân trong các nhà máy, dự án chính thức tại Lào. Hàng tháng họ được công ty hỗ trợ cho xe ô tô chở ra các cửa khẩu để đóng dấu vào hộ chiếu. Không giống như những người lao động đi theo kênh chính thức, những người lao động tự do không được đóng các loại bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thân thể, bảo hiểm y tế... Số người tìm việc bên ngoài các dự án chiếm đa số trong tổng số người nhập cư tự do và thường làm những công việc phổ thông mang tính thời vụ. Rất nhiều người trong số này vẫn ở Lào sau khi thị thực của họ hết hạn để tiếp tục tìm kiếm việc làm, và họ trở thành lao động bất hợp pháp. Do đó, theo Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ An ninh về cơ chế tổ chức quản lý người nước ngoài, họ có nguy cơ bị bắt và phải nộp phạt 500 đến 5.000 USD hoặc được đem gửi trả về Việt Nam.

Tại Lào, phụ nữ lao động di cư tự do chủ yếu làm nghề sơn sửa móng tay và buôn bán nhỏ, tập trung tại chợ ở Luang Prabang, Xavanakhet. Di cư tự do nam giới thường làm những việc nặng nhọc, đòi hỏi sức khỏe như: thợ xây, phụ hồ, thợ mỏ trong các công trường xây dựng và khai thác mỏ. Ngoài ra, cũng như phụ nữ di cư tự do, một số lượng không ít nam giới cũng tham gia bán hàng rong hay kinh doanh nhỏ... Song, hầu hết họ đều có chung một mong ước là “sau khi kiếm được một khoản tiền làm vốn thì sẽ trở về Việt Nam làm ăn”.

## **2. Các nhân tố tác động đến việc di cư của lao động tự do người Việt Nam đến Lào**

### **2.1. Dân số đông, thiếu công ăn việc làm, có hoàn cảnh gia đình éo le hoặc khó khăn**

Đã từ lâu, Việt Nam rơi vào tình trạng bùng nổ dân số và thiếu lương thực, đặc biệt là ở khu vực đồng bằng sông Hồng và miền Trung. Tính đến tháng 11/2013, dân số Việt Nam có khoảng 90.000 triệu người (Theo Thông tin chung về nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Mật độ dân số nước ta năm 2009 đã lên tới 259 người/km<sup>2</sup>. Trong khi đó, các nhà khoa học của Liên Hợp Quốc đã tính toán rằng, để cuộc sống thuận lợi, bình quân trên km<sup>2</sup> chỉ nên có từ 35 đến 40 người. Đáng chú ý, phân bố dân cư ở nước ta không đồng đều: 29,2% số dân tập trung ở đồng bằng sông Hồng và 24,1% số dân tập trung ở khu vực miền Trung, trong khi diện tích đất đai của hai vùng này chỉ chiếm 32,5% diện tích của cả nước (Theo Thông tin chung về nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Như vậy, ở Việt Nam, mật độ dân số đã gấp khoảng 6 - 7 lần “mật độ chuẩn” ([vietbao.vn/mat\\_do\\_dan\\_so](http://vietbao.vn/mat_do_dan_so)).

Bên cạnh đó, các nguyên nhân kinh tế “đẩy” con người di cư lao động bao gồm: thiếu đất canh tác, thiếu việc làm hay thất nghiệp lâu năm... Do đó, khi phỏng vấn người dân, những câu trả lời thường nhận được gồm: “Làm ruộng không đủ chi tiêu, đám hiếu đám hỷ cũng phải tiền”; hay “Em chưa có nghề nghiệp ổn định nên mấy người bạn rủ sang Lào học nghề cắt tóc. Nếu mình chưa có tay nghề thì vừa học, vừa làm. Nghe nói mỗi năm được trả công từ 10 đến 12 triệu đồng. Chủ họ bao cả cơm ăn, chỗ ở. Đi thử một chuyến, làm không được thì về”...

Chưa kể đến hoàn cảnh gia đình đông con hoặc có người mắc bệnh lâu năm cũng là những nguyên nhân của việc di cư lao động: “Nhà đông con, không đi lấy gì mà ăn”, “Chồng đi phụ hồ bị ngã, không làm được việc nặng”. Qua khảo sát còn gặp không ít người lần đầu tiên đến Lào là do tham gia lao động trong các dự án của Việt Nam tại Lào; sau khi hết dự án, họ tìm mọi cách ở lại Lào để kiếm thêm tiền gửi về quê. Kết quả phỏng vấn người lao động di cư tự do tại các điểm nghiên cứu thường có những câu trả lời tương tự: “Tôi đã đến Vientiane được khoảng 12 năm, tôi đã làm nhiều công việc khác nhau. Đầu tiên, tôi là một thợ hồ nhưng sau khi dự án kết thúc tôi bị thất nghiệp. Sau đó, tôi quyết định bán kem ở Vientiane. Mặc dù vất vả nhưng tôi có thể kiếm được tiền để gửi về nhà nuôi các con tôi ăn học”.

## **2.2. Nhân tố việc làm tại nơi đến, dòng vốn của Việt Nam vào Lào**

Trên phạm vi toàn cầu, sự dịch chuyển vốn qua biên giới, đặc biệt là vốn đầu tư, đã gia tăng kể từ những năm 1970 (Ngân hàng Thế giới, 2008, tr. 234). Trong giai đoạn này, Việt Nam và Lào đã có một số hợp tác nhất định<sup>6</sup>. Trong đó, viện trợ không hoàn lại (ODA) của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng thể viện trợ không hoàn lại mà Lào nhận được, theo số liệu hai năm 2008 - 2009, viện trợ không hoàn lại của Việt Nam chiếm

<sup>6</sup> Việt Nam đưa nhân công sang giúp Lào sửa chữa các tuyến đường thông thương giữa hai nước; Trao đổi và đào tạo các chuyên gia trong lĩnh vực quản lý kinh tế và nông nghiệp; Hợp tác kinh tế giữa hai nước từng bước đưa vào kế hoạch và mở rộng hợp tác trao đổi giữa các ngành, các địa phương và các cơ sở, doanh nghiệp, chuyên dân từ cơ chế viện trợ không hoàn lại giữa hai chính phủ sang cơ chế hợp tác với nhiều hình thức...

khoảng gần 8 - 9% tổng số các nước viện trợ cho Lào. Nếu so sánh với viện trợ không hoàn lại của các chính phủ khác dành cho Lào, Việt Nam hiện đang đứng thứ hai, sau Nhật Bản. Năm 2012, Việt Nam viện trợ không hoàn lại 105 tỷ đồng cho Lào, tập trung vào các dự án giáo dục - đào tạo, nông - lâm nghiệp, thủy lợi và y tế (Ban Quan hệ quốc tế - VCCI, 2013).

Ngoài ra, Việt Nam luôn là một trong ba nước đứng đầu trong danh mục đầu tư nước ngoài vào Lào<sup>7</sup>. Đầu tư nước ngoài (FDI) của Việt Nam sang Lào tăng mạnh cả về số lượng dự án cũng như tổng giá trị đầu tư. Tính đến hết năm 2011, FDI của Việt Nam vào Lào đạt trên 3,4 tỉ USD. Các khu vực Trung và Nam Lào thu hút tới 163 dự án của Việt Nam, chiếm 78% tổng số dự án của Việt Nam đầu tư sang Lào. Đầu tư của Việt Nam tại Lào thông qua nhiều loại hình hoạt động, ở nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó đầu tư vào khai thác khoáng sản, năng lượng và nông nghiệp chiếm khoảng 75%.

## **2.3. Giao thông thuận lợi, thu nhập tại nơi đến cao hơn nơi xuất cư**

Lào và Việt Nam là hai nước láng giềng với đường biên giới dài 2.067km, có các tuyến đường quốc lộ nối từ Việt Nam sang Lào<sup>8</sup>. Trong khi đó, di cư lao động

<sup>7</sup> Năm 2014, Trung Quốc là nhà đầu tư lớn nhất ở Lào với kim ngạch thương mại 3,6 tỷ USD. Trung Quốc cũng là nhà đầu tư ODA lớn nhất ở Lào. ODA từ Trung Quốc tập trung chủ yếu vào phát triển cơ sở hạ tầng và giao thông. Thái Lan đứng thứ hai.

<sup>8</sup> Quốc lộ 7 có tổng chiều dài 225km, tính từ Diên Châu, chạy qua các huyện Yên Thành, Đô Lương, Anh Sơn, Tương Dương, Kỳ Sơn đến cửa khẩu Nậm Cắn, rồi đi tới Đô Lương (Nghệ An), nối sang Phonsavan, Luang Prabang (Lào); Quốc lộ 8 có tổng chiều dài 225km, bao gồm quốc lộ 8A và 8B, từ Hà Tĩnh đi về hướng Tây đến cửa khẩu Cầu Treo, nối sang Vientiane; Quốc lộ 14 D nối đường Hồ Chí

quốc tế, nhất là lao động tự do có xu hướng đến các điểm tích tụ sinh kế tại các quốc gia láng giềng. Kết quả khảo sát thực địa tại Lào cho thấy có rất nhiều lao động tự do người Việt Nam ở Lào. Một lao động tự do tại cửa khẩu Lao Bảo cho biết: “Người di cư đến Lào có thể tìm được công việc dễ dàng hơn, thu nhập cũng cao hơn so với ở Việt Nam. Và khi có việc cần, họ có thể chỉ mất một ngày ngồi xe ô tô để trở về quê nhà” trong khi một số người nói: “Thủ tục sang Lào lại không rắc rối, không mất tiền vé máy bay... Vì vậy, người Việt đến Lào ngày một nhiều hơn”. Có người còn nói: “Ở Hà Nội hay Sài Gòn bây giờ cũng khó kiếm việc lắm, sang Lào dễ kiếm việc hơn, thu nhập cũng không đến nỗi nào”.

Trong các dự án, công ty liên doanh giữa Việt Nam và Lào, mức lương trung bình của lao động có kỹ năng là 500 USD/người/tháng, mức lương của lao động phổ thông khoảng 250 USD/người/tháng. Người lao động tự do chiếm đến 70% trong các dự án này và họ thường làm công việc phổ thông với các loại thuế và phí phải đóng khá cao, chiếm khoảng 20%<sup>9</sup>. Những người Việt di cư tự do tìm việc bên ngoài các dự án thì có thu nhập khoảng 4 - 6 triệu đồng/tháng, tương đương với 200 - 300 USD. “Tôi đã ở đây được 5 năm rồi. Công việc này tuy vất vả nhưng tôi có thể kiếm được tiền... Đi bán kem cả ngày kiếm được 200.000 - 300.000

đồng (chưa trừ chi phí ăn, ở). Qua đây có thể thấy, thu nhập tuy không cao nhưng khoản tiền này có thể giúp đỡ được rất nhiều cho chi tiêu trong hộ gia đình ở Việt Nam và giải quyết được công ăn việc làm trước mắt cho người lao động.

#### 2.4. Nhân tố vốn xã hội

Thực tế cho thấy, bạn bè và người thân đặc biệt quan trọng đối với các luồng di cư tự do, giúp họ ra quyết định lựa chọn điểm đến và nghề nghiệp. Kết quả điều tra tháng 12/2013 của nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng, hơn 60% chủ các quầy kinh doanh tại chợ Phô Si thuộc Luang Prabang (Lào) có quê quán ở Nam Định, Việt Nam. Họ cũng thường đưa những người họ hàng thân thích sang Luang Prabang để trông coi công việc kinh doanh. Theo bà Nguyễn Thị Kim Lan (2013), phần lớn phụ nữ Huế di cư với mục đích theo chồng để đoàn tụ gia đình<sup>10</sup>.

Tuy nhiên, thông qua mạng lưới xã hội, người di cư có thể nắm được địa điểm đến và hỗ trợ tìm kiếm việc làm nhưng thông tin còn khá mơ hồ, họ chỉ “nghe nói” hay thấy “bạn bè rủ” nên “đi thử”... Điều đó đã gây ra rất nhiều rắc rối cho người lao động nhập cư tự do, bởi vì thiếu hiểu biết về nơi đến, đặc biệt là về mặt luật pháp. Do không có địa vị về mặt pháp lý, họ thường xuyên phải lẩn tránh sự kiểm soát và truy lùng của chính quyền sở tại, không có các loại bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... Nếu có tai nạn hay rủi ro xảy ra thì người lao động hoàn toàn tự chịu trách nhiệm. Ngay cả

Minh đoạn Quang Nam với cửa khẩu Nam Giang sang Lào, hướng đến Sekong, Pakse...

<sup>9</sup> Theo quy định, lao động nước ngoài đi theo diện chính thức sẽ được công ty đóng cho các loại thuế và phí dành cho lao động người nước ngoài. Nhưng người lao động tự do thì phải tự chi trả các khoản tiền này. Mỗi người lao động phải đóng thuế thu nhập cá nhân là 10%, đóng các khoản tạm trú là 300 USD/người/năm (gồm thủ tục lao động 120 USD, thẻ lưu trú 60 USD, visa 120 USD).

<sup>10</sup> Nguyễn Thị Kim Lan phát biểu trong Hội thảo “Lao động di cư trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa” do Đại học Khoa học Huế phối hợp với quỹ Rosa Luxemburg (CHLB Đức) tổ chức trong 2 ngày 10 - 11/12/2013.

khi gặp khó khăn với chính quyền sở tại, họ cũng chỉ biết dựa vào mạng lưới xã hội của mình để giải quyết. “Ở đây, ai cũng có một người anh lớn. Người này đã sống ở Lào lâu rồi, rất giàu có và thân với Chính quyền địa phương... Nếu tôi có bất cứ khó khăn gì, tôi sẽ nhờ người này giúp đỡ” (Tư liệu phỏng vấn một người đàn ông 46 tuổi ở Luang Prabang, do tác giả tiến hành vào tháng 12/2013).

Bên cạnh đó, hệ thống chính trị - xã hội Lào ổn định, cộng với nền văn hóa đa dạng cũng là yếu tố quan trọng thu hút lao động từ các nước khác, trong đó có người Việt đến tìm việc.

### **3. Dòng chảy lao động di cư tự do theo dòng vốn đầu tư**

#### **3.1. Lao động di cư tự do tham gia vào các dự án chính thức Việt Nam tại Lào**

Đối với mỗi dự án đầu tư nước ngoài, Chính phủ Lào quy định hạn ngạch 10% với lao động phổ thông và 20% với lao động kỹ thuật. Tuy nhiên cho đến gần đây, so với các nước trong khu vực Đông Nam Á, lực lượng lao động của Lào còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng, chưa đáp ứng được nhu cầu cho xây dựng và khai thác các công trình công nghiệp. Theo số liệu năm 2010, lực lượng lao động của Lào có khoảng 3.080 nghìn người với năng suất lao động 5.396 USD/năm (Ngân hàng Phát triển châu Á và Tổ chức Lao động quốc tế, 2014, tr. 26). Do đó, để có đủ nhân lực phục vụ trong các dự án, các chủ đầu tư phải thuê một số lượng lớn những người lao động nhập cư tự do.

Để hợp thức hóa việc đưa lao động Việt Nam sang Lào làm việc, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam và Bộ Lao động và Phúc lợi Xã hội Lào đã ký Hiệp

định Hợp tác lao động Việt Nam - Lào (6/1995) và nhiều lần tiến hành điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn trong những năm sau<sup>11</sup>. Tiếp đó, các tỉnh có chung đường biên giới của hai nước cũng đã có những thỏa thuận hợp tác trực tiếp. Thời gian này, Việt Nam và Lào tham gia vào các Hiệp hội quốc tế, đặc biệt là ASEAN<sup>12</sup>. Sau đó, hai nước cùng nhau ký thỏa thuận thực hiện miễn thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông giữa hai nước vào năm 2004 nhằm khuyến khích phát triển hợp tác đầu tư, thương mại. Sự dịch chuyển của các nguồn vốn kéo theo sự dịch chuyển các dòng lao động (Ngân hàng Thế giới, 2008, tr. 231-247). Trào lưu đầu tư vốn và máy móc kỹ thuật của Việt Nam sang Lào đã tạo ra việc làm cho người lao động và kích thích các luồng di cư cả lao động kỹ năng và lao động phổ thông làm việc trong các dự án, công trình chính thức của Chính phủ Việt Nam tại Lào. Số lao động người Việt Nam trong các công trình cách xa khu dân cư có thời điểm chiếm tới 70%, trong đó lao động tự do chiếm phần lớn.

<sup>11</sup> Bộ Lao động hai nước đã ký kết Hiệp định hợp tác lao động Việt - Lào vào ngày 29/6/1995 và Nghị định thư sửa đổi bổ sung ngày 8/4/1999. Tuy nhiên, quá trình thực hiện cho thấy Hiệp định hợp tác lao động năm 1995 và Nghị định thư sửa đổi năm 1999 đã không còn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Vì vậy, vào tháng 7/2013, Bộ Lao động hai nước đã ký kết Hiệp định hợp tác lao động Việt - Lào. Hiệp định mới đã điều chỉnh được các hình thức lao động phù hợp với tình hình thực tế, quy định cụ thể về thủ tục xin cấp giấy phép lao động, đăng ký lưu trú, các loại phí liên quan, chế độ bảo hiểm, y tế, xử lý tranh chấp... đảm bảo được yêu cầu quản lý và bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

<sup>12</sup> ASEAN (Association of Southeast Asian Nations - Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á), Việt Nam gia nhập tổ chức này vào năm 1995, Lào gia nhập tổ chức này vào năm 1997.

### **3.2. Lao động di cư tự do tham gia vào các ngành nghề dịch vụ**

Các dự án, công trình và con người có mặt ở một địa điểm đã thúc đẩy công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến và nhiều dịch vụ khác phát triển để phục vụ nhu cầu cuộc sống hàng ngày. Tích tụ sinh kế tại điểm đến đã lôi cuốn các dòng lao động tự do tham gia vào các lĩnh vực dịch vụ như thợ xây, thợ hồ, những người bán hàng rong, thợ cắt tóc, những phụ nữ làm nghề mại dâm... Theo cung đường của những dự án và di cư lao động, xuất hiện rất nhiều tụ điểm kinh doanh mại dâm. Nghiên cứu của Phetthanou Theopphayphone (2005) chỉ ra rằng, địa điểm Laksao (tỉnh Bolikhamxay) có 12 nhà hàng với số phụ nữ Việt Nam làm nghề mại dâm là 55; tại địa điểm nghiên cứu Pakse, Pakxong (tỉnh Champasak) có 8 nhà hàng với 36 người; tại các điểm Khanthabury, Seno, Outhoumphone, Sethamouk, Sepone và khu vực cửa khẩu Lao Bảo (thuộc mừng Densavanh, huyện Sepone, tỉnh Savanakheth) có 26 nhà hàng với 81 người; tại các điểm BanMixay, Chanthaloudy (thủ đô Vientiane) có 2 nhà hàng với 18 người. Phụ nữ làm nghề mại dâm tại điểm nghiên cứu huyện Laksao chủ yếu đến từ Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Ninh. Còn tại Pakse và Pakxong họ chủ yếu đến từ Huế, có 1 trường hợp đến từ Vĩnh Bảo (Hải Phòng). Phụ nữ trong các điểm nghiên cứu thuộc tỉnh Savanakheth đến từ Đà Nẵng, Huế, Nghệ An, Cần Thơ... (Phetthanou Theopphayphone, 2005).

### **Kết luận**

Động lực thúc đẩy con người di chuyển và ý nghĩa của sự di chuyển xuất phát trước hết từ lý do kinh tế. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc hợp tác, đầu tư thương mại của Việt Nam vào Lào là nguyên nhân chính dẫn tới gia tăng số lượng lao động người Việt Nam ở Lào trong những năm gần đây. Khi đến Lào, họ đã bỏ lại môi trường lao động nông nghiệp truyền thống mà ở đó họ nhận được rất ít lợi ích và đang gia nhập vào những nền “sinh kế tích tụ”.

Cho đến nay, sự dịch chuyển của nguồn nhân lực sang Lào đã gia tăng cả về số lượng và chất lượng. Di dân không giống như những người ở lại, nhưng trên thực tế, di cư là một vấn đề xã hội phức tạp và bị chi phối bởi những bối cảnh lịch sử xã hội cụ thể. Do đó, nguyên nhân người lao động Việt Nam đến Lào còn xuất phát từ động lực ở phía cá nhân người di cư, quan hệ giữa hai nước Việt Nam - Lào...

Trong bối cảnh hợp tác quốc tế và hội nhập, nhất là việc hình thành thị trường chung ASEAN trên cơ sở xóa bỏ dần các hàng rào thuế quan và phi thuế, cùng với sự gia tăng đầu tư kinh tế của các nước lớn vào Lào, có thể nói rằng, số lượng lao động tự do người Việt Nam tại Lào sẽ ngày càng phát triển. Song, nội dung bài viết mới chỉ đề cập đến một khía cạnh nhỏ về vấn đề này. Để hiểu biết toàn diện hơn về vấn đề người Việt Nam ở Lào, cần có những nghiên cứu sâu hơn về chính sách của Chính phủ Lào trong quản lý lao động nước ngoài, đặc biệt là về sinh kế và cuộc sống của các nhóm lao động người Việt Nam ở Lào...

**Tài liệu tham khảo**

1. Vũ Thị Vân Anh (2008), “Nguyên nhân và các đợt di cư chính của người Việt đến Lào”, trong: Duy Thiệu (Chủ biên), *Di cư và chuyển đổi lối sống - Trường hợp cộng đồng người Việt ở Lào*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
2. Ban Quan hệ quốc tế - VCCI (2013), *Hồ sơ thị trường Lào*, trên trang <http://img.vcci.com.vn/Images/Uploaded/Share/2013/02/06/HSTT-Lao-Jan2013.pdf>.
3. Bản tin nghiên cứu nội bộ Lào (9/2/2015), *Lào cần có các biện pháp nghiêm ngặt trong việc bảo vệ lao động Lào*.
4. Nam Cao (2013), *Cả xã giàu lên nhờ sang Lào buôn đồng nát*, trên trang [vietnamnet.vn/vn/.../ca-xa-giau-len-nho-sang-lao-buon---dong-nat.html](http://vietnamnet.vn/vn/.../ca-xa-giau-len-nho-sang-lao-buon---dong-nat.html), truy cập ngày 1/1/2014.
5. Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ An ninh về cơ chế tổ chức quản lý người nước ngoài, số 110 ngày 20 tháng 2 năm 1997.
6. Hữu Khá, Trường Trung (2013), *Rời làng mà đi*, trên trang <http://tuoitre.vn/tin/chinh-tri-xa-hoi/phong-su-ky-su/20130422/roi-lang-ma-di/544315.html>, truy cập ngày 1/1/2014.
7. Khămpheng Thipmuntaly (2008), “Những biến đổi trong phương thức kiếm sống và trong đời sống vật chất của Cộng đồng người Việt ở Lào”, trong: Nguyễn Duy Thiệu (Chủ biên), *Di cư và chuyển đổi lối sống - Trường hợp cộng đồng người Việt ở Lào*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
8. *Mật độ dân số* (18/10/2015), [vietbao.vn/mat\\_do\\_dan\\_so/](http://vietbao.vn/mat_do_dan_so/), truy cập ngày 3/11/2013.
9. *Migration and Remittances Factbook*, Ngân hàng Thế giới, trên trang [www.worldbank.org/prospects/migrationandremittances](http://www.worldbank.org/prospects/migrationandremittances), truy cập ngày 3/9/2015.
10. Ngân hàng Phát triển châu Á và Tổ chức Lao động quốc tế (2014), *Cộng đồng ASEAN 2015: Quản lý hội nhập hướng tới thịnh vượng chung và việc làm tốt hơn*, Bản quyền thuộc về Tổ chức Lao động Quốc tế và Ngân hàng Phát triển Châu Á 2014.
11. Ngân hàng Thế giới (2008), *Báo cáo Phát triển Thế giới 2009: Tái định dạng kinh tế*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
12. Phetthanou Theopphayphone (2005), *Situation assessment of the Vietnamese women working in the entertainment sector*, Báo cáo cho Acting for Women in distressing Circumstances in Lao PDR.
13. *Thông tin chung về nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, trên trang [www.vietnamemb.se/vi/index.php?option=com\\_content...id...](http://www.vietnamemb.se/vi/index.php?option=com_content...id...), truy cập ngày 3/11/2013.
14. Vũ Thị Minh Tiệp (2015), “Nguồn nhân lực cho các nước ASEAN và những tham chiếu cho Việt Nam trước thềm hội nhập AEC”, *Tap chí Kinh tế và Phát triển*, Số 212.
15. *Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại hội VI*, 1986, trên trang [www2.uet.vnu.edu.vn](http://www2.uet.vnu.edu.vn), truy cập ngày 1/11/2015.